

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Văn Trị.

2. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Công Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Trú tại: Xóm NH, thôn KN, xã B, huyện TS, tỉnh Bình Định.

***- Bị đơn:*** Anh Đặng Văn T, sinh năm 1980 (Vắng mặt lần 02).

Trú tại: Thôn KL, xã B, huyện TS, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:** Chị và anh Đặng Văn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận, tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày, tháng, năm, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 01/6/2007.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là anh T không chú tâm làm ăn mà cờ bạc rượu chè, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vì con chị đã nhiều lần khuyên nhủ, bỏ qua để tiếp tục chung sống nhưng tình hình không tiến triển, anh T vẫn tính nọm tặc. Đến khoảng tháng 10/2019 vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc, không

quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì nữa, chị yêu cầu được ly hôn anh Đặng Văn T.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 19/8/2008. Con chung hiện do chị đang nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung Đặng Nguyễn Ngọc T1 đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt không có lý do:** Anh Đặng Văn T đã được thông đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 14/5/2021, Công an xã B cung cấp: anh Đặng Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm NH, thôn KN, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định theo hộ khẩu do anh làm chủ hộ. Nhưng hiện nay anh T đã chuyển về sinh sống tại nhà cha ruột là ông Đặng Văn C ở thôn KL, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Hiện anh T có mặt tại địa phương.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:* Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật (tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ, Quyết định xét xử); việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn là đúng theo quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn T; về con chung: giao con chung Đặng Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 19/8/2008 cho chị L nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu nên miễn xét; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* **Về tố tụng:** Bị đơn là anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

\* **Về nội dung vụ án:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 01/6/2007 đúng theo

quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là anh T không chú tâm làm ăn mà cờ bạc rượu chè, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vì con chị L đã nhiều lần khuyên nhủ, bỏ qua để tiếp tục chung sống nhưng tình hình không tiến triển, anh T vẫn tính nào tật ấy. Đến khoảng tháng 10/2019 vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T có mặt tại địa phương mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L nhất quyết yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 19/8/2008, khi nay do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đặng Nguyễn Ngọc T1 đến trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của chị L là phù hợp với nguyện vọng của con chung - Đặng Nguyễn Ngọc T1 (được tiếp tục sống cùng mẹ), phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

[3] **Về tài sản chung:** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006801 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị L đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn T.

- **Về con chung:** Giao con chung là Đặng Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 19/8/2008 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến trưởng thành.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

**- Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

**2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số số 0006801 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị L đã nộp đủ án phí.

**3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.**

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Giang Nam**